

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỜ ĐỎ  
TP CẦN THƠ**

Bản án số: 154/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2017

V/v Ly hôn giữa bà T và

Ông T

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ - THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Minh Phụng**

**Các Hội thẩm nhân dân:**

**1. Ông Lưu Hùng Phương**

**2. Ông Nguyễn Hoàng Hải**

**- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phi Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, Tp Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên**

Ngày 10 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2017/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2017/QĐXX-ST ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị T**, sinh năm 1958; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1963; Trú tại: Ấp T, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Phan Thị T trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 1985, do quen biết, tìm hiểu bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tiến tới hôn nhân nhưng không có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 03/3/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thạnh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau này phát sinh mâu thuẫn do ông T ham mê cờ bạc, thường hay uống rượu không lo cho gia đình. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau nên đã sống ly thân từ 02 năm nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông T thống nhất lời trình bày của bà Phan Thị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân. Qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà T thì ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì về con chung: Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung; nghĩa vụ chung: Ông xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phan Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng xác định không có, đề nghị không xem xét.

Về án phí Hôn nhân và gia đình: Bà T phải chịu án phí nộp theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự thì tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về Ly hôn. Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của bà Thủy và ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định là hôn nhân hợp pháp. Bà T và Ông T thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông T ham mê cờ bạc, uống rượu không quan tâm gì đến gia đình. Từ đó, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân cách đây 02

năm. Thời gian sống ly thân bà T và ông T không ai quan tâm tới ai. Bà T xin ly hôn vì xác định tình cảm vợ chồng thật sự không còn, không Thể tiếp tục chung sống cùng nhau. Ông T không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để thuyết phục bà T hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không Thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được mặc dù thời gian ly thân dài nhưng không có biện pháp để hàn gắn và khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án cũng tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Do đó, bà T yêu cầu xin ly hôn với ông T là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Tài sản chung; Nợ chung: Xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

[3] Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn bà T chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Từ những căn cứ trên việc Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phan Thị T và ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Có 02 con chung: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1990 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987. Hiện 02 con đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Tài sản chung: Xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu số 000269 ngày 04 tháng 5 năm 2017. Công nhận bà T đã nộp xong.

5. Tuyên án công khai, có mặt nguyên đơn và bị đơn

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án nhân dân Thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TATPCT;
- VKS;
- Chi cục Thi hành án;
- UBND xã Trung Thạnh;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Võ Minh Phụng**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Hùng Phương Nguyễn Hoàng Hải**

**Võ Minh Phụng**